

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang

Bà Ngô Thị Thơm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 69/2023/HNGĐ-TLST ngày 02/3/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2023/QĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương M**, sinh ngày 06/6/1990.

HKTT: Số 3/66 (nay là 6/98) Phố A, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Thôn C, xã T, huyện V, Thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Tuấn D**, sinh ngày 17/6/1991.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Số 3/66 (nay là 6/98) Phố A, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Đà Loan.

(Chị M, anh D có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương M trình bày: Chị và anh D tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 21/01/2015. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D có quan hệ với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh D không thay đổi, dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Tháng 3/2020 chị cho con về nhà bố mẹ đẻ tại Hải Phòng sinh sống cho đến nay. Đến tháng 11/2020 anh D đi Đài Loan lao động, thời gian đầu vợ chồng liên lạc với nhau, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng chấm dứt liên lạc, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh Dương có một con chung là Phạm Tuấn B, sinh ngày 29/7/2016. Hiện nay cháu B đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Tuấn D hiện nay đang lao động tại Đài Loan, do chị M không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh D tại gia đình. Bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ anh D cung cấp, năm 2020 anh D đi Đài Loan lao động, từ khi đi đến nay anh chưa về Việt Nam lần nào. Bà không biết địa chỉ của anh D nên không thể cung cấp cho Tòa án, tuy nhiên anh D thường xuyên gọi điện về gia đình. Bà L xác định anh D và chị M sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuối năm 2019 chị M đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh D không xuống tìm gặp để hòa giải, vợ chồng có thời gian dài sống ly thân. Bà L đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh D biết. Sau khi được thông báo, qua gia đình anh D có quan điểm đề nghị chị M quyết định, do thời hạn lao động ở nước còn dài nên anh đề nghị được giải quyết vắng. Trong thời gian chị M chăm sóc cháu B, chị M phải có trách nhiệm cho gia đình anh được thăm gặp theo quy định của pháp luật.

Cháu Phạm Tuấn B là con chung của chị M, anh D có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị M, anh Dương đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị M được ly hôn anh Dương. Về con chung: Giao con chung Phạm Tuấn B, sinh ngày 29/7/2016 cho chị Nguyễn Thị Phương M nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không đề nghị, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương M, bị đơn anh Phạm Tuấn D đều có hộ khẩu thường trú tại số 3/66 (nay là 6/98) phố A, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Hiện anh D đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, chị M không cung cấp được địa chỉ của anh D ở Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh D cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác M tại gia đình cho thấy, anh D thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L. Bà L đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh D biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị M có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Anh D đã được gia đình thông báo và cũng có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Phương M và anh Phạm Tuấn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 21/01/2015, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, nghi ngờ sự chung thủy, hai bên không tìm thấy tiếng nói chung. Đầu năm 2020 chị M đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Hải Phòng sinh sống nhưng anh Dương cũng không đến đón chị, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh D. Thông qua gia đình, anh D có quan điểm để tự chị M quyết định. Xét thấy, thực tế mâu thuẫn giữa anh D và chị M đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Phương M và anh Phạm Tuấn D có một con chung là Phạm Tuấn B, sinh ngày 29/7/2016, hiện cháu B đang ở với chị M. Ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, cháu B hiện đang ở với mẹ, được mẹ chăm sóc và phát triển tốt. Anh D đang ở nước ngoài nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu, cần tiếp tục giao cháu B cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Phương M được ly hôn anh Phạm Tuấn D.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Tuấn B, sinh ngày 29/7/2016 cho chị Nguyễn Thị Phương M chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18

tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Phạm Tuấn D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0003956 ngày 01 tháng 03 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương M, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Phạm Tuấn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền